

Bản án số: 106/2026/DS-PT

Ngày 17/4/2026

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc tháo dỡ hàng rào, tài sản trên đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung
Ông Nguyễn Văn Thọ

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Lương Quốc Phòng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2026/DSPT ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc: *“Tranh chấp quyền sử dụng đất, buộc tháo dỡ hàng rào, tài sản trên đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 187/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2026/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 117/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số: 171/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Bùi Ngọc Đ - Sinh năm: 1959 - Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, Quảng Nam, nay là xã N, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

* *Bị đơn:* Ông Bùi Văn L - Sinh năm: 1968 - Địa chỉ: Khối 3, thị trấn N, huyện N, Quảng Nam, nay là xã N, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hồng Ph - Địa chỉ: Số 01, C, xã N, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi Dương Qu - Sinh năm 1984; (Có mặt).
2. Bà Bùi Thị Ngọc L1 - Sinh năm: 1986; (Vắng mặt).
3. Bùi Dương H - Sinh năm: 1988; (Vắng mặt).
4. Bùi Dương H1 - Sinh năm: 1992; (Vắng mặt).
5. Bà Dương Thị H2 - sinh năm: 1965;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng. Bà Dương Thị H2 ủy quyền cho ông Bùi Ngọc Đ tham gia tố tụng tại phiên tòa.

6 Bà Đặng Thị Xuân H3 - Sinh năm: 1971 - Địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

7. Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Nh - Chuyên viên Phòng kinh tế - UBND xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Bùi Ngọc Đ, là Nguyên đơn;

- Người kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, ông Bùi Ngọc Đ trình bày:*

Nguyên thửa đất số 13, tờ bản đồ số 5 tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, nay là thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng, trước đây là của cha mẹ ông quản lý, sử dụng. Sau khi giải phóng năm 1975, thực hiện chính sách cải cách ruộng đất diện tích đất trên do Hợp tác xã quản lý. Sau đó, tới khoán 10 thì Nhà nước giao thửa đất trên cho ông quản lý, sử dụng, khi đó thửa đất có diện tích 2.255m². Sau đó, ông chia cho cháu là ông Bùi Văn L một nửa diện tích, ông sử dụng một nửa diện tích, mỗi người sử dụng diện tích 1.127m². Trên cơ sở đó, năm 2001, ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất của mình là 1.127m².

Trong quá trình sử dụng đất, ông L đã lấn chiếm sang phần diện tích đất của ông, ông đã nhiều lần yêu cầu ông L trả lại phần diện tích đất lấn chiếm nhưng ông L không đồng ý, ông đã khiếu nại việc này và được UBND xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, nay là xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng tiến hành hòa giải. Tại buổi hòa giải này, đại diện Ủy ban nhân xã Núi Thành (UBND xã Tam Quang cũ)

có đề nghị ông L dời hàng rào mà ông đã xây về phần đất của ông cách vị trí hiện tại 09m nhưng ông L không đồng ý.

Xét thấy, diện tích ban đầu của hai chú cháu là bằng nhau, mỗi người sử dụng 1.127m². Nhưng hiện nay, ông L lấn sang phần đất của ông rất nhiều. Cụ thể qua kết quả đo vẽ thì hiện tại phần diện tích ông L đang quản lý, sử dụng theo hàng rào ranh giới mà ông L đã xây dựng có diện tích 1.816m², so với phần diện tích ông đang sử dụng là 1.190m². Lẽ ra ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả lại toàn bộ phần diện tích đất đã lấn chiếm nêu trên cho ông. Tuy nhiên, vì ông và ông L, là chú cháu nên ông chỉ yêu cầu ông L trả lại phần diện tích khoảng 174,30m² đã lấn chiếm cho ông theo hòa giải của xã. Cụ thể, ông yêu cầu ông L dời trụ rào ngoài cùng, tiếp giáp đường đi, sang phần đất của ông L 09m, trụ trong cùng giáp đất ông Phạm Văn T thì giữ nguyên.

Ngoài ra, khi ông cho đất ông L thì thửa đất được chia đôi theo chiều ngang, ranh giới sử dụng đất là từ đường đất (đường thôn) cho đến tiếp giáp đất ông Phạm Văn T, ranh giới này được ông và ông L sử dụng cho đến nay nhưng không hiểu vì lý do gì khi Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho ông thì ranh giới sử dụng đất lại thể hiện theo chiều dọc, song song với đường đất (vuông góc với ranh giới đất khi ông cho đất ông L cũng như hiện trạng sử dụng đất giữa hai ông), theo sơ đồ cấp giấy này thì diện tích ông được công nhận, cấp giấy có 1/2 là đất của ông, 1/2 là đất của ông L. Điều này là không đúng với hiện trạng sử dụng đất, do đó ông yêu cầu tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận QSDĐ mà Nhà nước đã cấp cho ông, điều chỉnh lại hình thể thửa đất cho đúng với hiện trạng sử dụng đất, đảm bảo QSDĐ của ông theo quy định.

** Bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:*

Nguồn gốc diện tích đất hiện ông L quản lý, sử dụng không phải của ông Đ và ông Đ cho ông L như ông Đ trình bày, diện tích đất này nguyên là của ông nội ông L, cha ông Đ cho ông L từ năm 1979 và ông L quản lý, sử dụng ổn định từ đó đến nay. Ranh giới đất giữa đất của ông với ông Đ được xác định bằng 02 cây Mù u, năm 2019, ông L tiến hành xây dựng hàng rào, đúng với ranh giới trước đây nên không có việc ông L lấn chiếm đất của ông Đ như ông Đ trình bày.

Ngoài ra, căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số M 819291, do Ủy ban nhân dân huyện Núi Thành cấp ngày 31 tháng 12 năm 2001 cho hộ ông Bùi Ngọc Đ thì thửa đất 347, tờ bản đồ số 5 có diện tích là 1.127m².

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành đã thành lập Hội đồng để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định diện tích tranh chấp là 174,3m². Căn cứ theo kết quả thẩm định nêu trên thì diện tích ông Bùi Ngọc Đ hiện đang quản

lý, sử dụng là 1.190 m², chưa tính phần diện tích đất tranh chấp tăng 63m² so với diện tích trong GCNQSD đất đã được cấp.

Như vậy, việc ông Bùi Ngọc Đ khởi kiện cho rằng ông L lấn chiếm diện tích đất tranh chấp 174,3m² là không có cơ sở.

Hơn nữa, căn cứ vào biên bản hòa giải ngày 09 tháng 11 năm 2021, cũng như tại phiên tòa ngày 01 tháng 4 năm 2025, ông Bùi Ngọc Đ khẳng định thừa nhận đã cho ông Bùi Văn L một nửa diện tích 1.127m² sử dụng từ năm 2000; diện tích tranh chấp 174,3m² từ trước đến nay ông L là người quản lý, sử dụng và nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Bùi Ngọc Đ.

Do vậy, việc ông Đ cho rằng ông L lấn chiếm đất và khởi kiện yêu cầu buộc ông L tháo dỡ hàng rào, trả lại đất lấn chiếm là không có cơ sở, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu này của nguyên đơn ông Đ.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 187/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng đã quyết định:*

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 48, 49, 147, 157, 227, 264, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 166, 170 của Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 31 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Nghị định số: 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Ngọc Đ buộc bị đơn ông Bùi Văn L tháo dỡ hàng rào, di dời cây trồng trên đất, trả lại diện tích đất lấn chiếm 174,3m², tại thửa 346, tờ bản đồ số 05 (Hồ sơ CSDL thửa đất số 124, tờ bản đồ số 13) thuộc thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, nay là xã N, thành phố Đà Nẵng (có sơ đồ kèm theo).

2. Hủy một phần Giấy CNQSDĐ số: M 819291, số vào sổ cấp giấy số: 1523/QSDĐ/H, do UBND huyện Núi Thành cấp cho hộ gia đình ông Bùi Ngọc Đ ngày 31 tháng 12 năm 2001 đối với thửa đất số: 347, tờ bản đồ số 5 thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.127m². Ông Bùi Ngọc Đ có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 347, tờ bản đồ số 5 (Hồ sơ CSDL, thửa 125, tờ bản đồ số 13) theo quyết định của bản án có hiệu lực.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Ngọc Đ được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá: Chi phí xem xét, thẩm định và định giá là: 3.362.000đ (Ba triệu, ba trăm sáu hai nghìn đồng) ông Bùi Ngọc Đ chịu (đã tạm ứng đủ).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Nguyên đơn là ông Bùi Ngọc Đ có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm số 187/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-KN ngày 13 tháng 10 năm 2025 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng hủy bản án sơ thẩm 187/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Ngọc Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: “Buộc ông Bùi Văn L tháo dỡ hàng rào, tài sản trên đất và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 819291 do UBND huyện Núi Thành cấp cho hộ gia đình ông Bùi Ngọc Đ ngày 31 tháng 12 năm 2001 đối với thửa đất số: 347, tờ bản đồ số 5 thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.127m²”;

- Ông Bùi Ngọc Đ, ông Bùi Văn L và ông Bùi Dương Qu thống nhất xác định diện tích đất tranh chấp là 174,3m² và thỏa thuận giải quyết như sau:

+ Giao cho ông Bùi Ngọc Đ được sử dụng phần đất có diện tích 91,3m² (trong phần đất có diện tích 174,3m²).

+ Giao cho ông Bùi Văn L được sử dụng phần đất có diện tích 83m² (trong phần đất có diện tích 174,3m²).

(Có sơ đồ kèm theo)

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-KN ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng và đề nghị HĐXX căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập họp lệ lần thứ hai bà Bùi Thị Ngọc L1, Bùi Dương H, Bùi Dương H1, bà Đặng Thị Xuân H3 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng các đương sự nêu trên vắng mặt nên HĐXX căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

* Về nội dung:

[2] Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 5 tại thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng (địa chỉ cũ là thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam) trước đây là của cha mẹ ông Bùi Ngọc Đ quản lý, sử dụng. Sau đó, tới khoản 10 thì Nhà nước giao thửa đất trên cho ông Đ quản lý, sử dụng, khi đó thửa đất có diện tích 2.255m². Sau đó, ông Đ chia cho cháu là ông Bùi Văn L một nửa diện tích, ông Đ sử dụng một nửa diện tích, mỗi người sử dụng diện tích 1.127m². Trên cơ sở đó, năm 2001 ông Bùi Ngọc Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất của mình là 1.127m².

Trong quá trình sử dụng đất, ông Đ cho rằng ông L đã lấn chiếm sang phần diện tích đất của ông Đ và đã nhiều lần yêu cầu ông L trả lại phần diện tích đất lấn chiếm nhưng ông L không đồng ý nên ngày 25/02/2020 ông Bùi Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn L phải tháo dỡ hàng rào trên đất, trả lại diện tích đất lấn chiếm 174,30m² và Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 819291 do UBND huyện Núi Thành cấp cho hộ gia đình ông Bùi Ngọc Đ.

[3] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 187/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Ngọc Đ. Do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ông Bùi Ngọc Đ đã có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng hủy bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Ngọc Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: “Buộc ông Bùi Văn L tháo dỡ hàng rào, tài sản trên đất và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 819291 do UBND huyện Núi Thành cấp cho hộ gia đình ông Bùi Ngọc Đ ngày 31 tháng 12 năm 2001 đối với thửa đất số: 347, tờ bản đồ số 5 thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.127m²”.

Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của ông Đ là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên HĐXX hủy phần quyết định và đình chỉ giải quyết về nội dung này của Bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Ngọc Đ, ông Bùi Văn L và ông Bùi Dương Qu thống nhất xác định diện tích đất tranh chấp là 174,3m² và thỏa thuận giải quyết như sau:

+ Giao cho ông Bùi Ngọc Đ được sử dụng phần đất có diện tích 91,3m² (trong phần đất có diện tích 174,3m²).

+ Giao cho ông Bùi Văn L được sử dụng phần đất có diện tích 83m² (trong phần đất có diện tích 174,3m²).

Xét thấy: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-KN ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng là có cơ sở. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Bùi Ngọc Đ, ông Bùi Văn L và ông Bùi Dương Qu thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật; không ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

Xét lời đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn là phù hợp nên chấp nhận.

Do các đương sự tự nguyện thỏa thuận giải quyết vụ án nên HĐXX không xem xét kháng cáo của ông Bùi Ngọc Đ và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm ông Bùi Văn Đ phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Bùi Văn Đ là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Bùi Văn Đ.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Tòa án cấp sơ thẩm là 3.362.000 đồng ông Bùi Văn Đ phải chịu. *(Đã nộp và chi xong)*.

Chi phí tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm là 2.000.000 đồng ông Bùi Ngọc Đ và ông Bùi Văn L, mỗi người tự nguyện chịu 1.000.000 đồng. *(Đã nộp và chi xong)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 163, 164 và 169 của Bộ luật Dân sự 2015.
- Căn cứ các Điều 166, 170 và 203 của Luật Đất đai năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy phần Bản án dân sự sơ thẩm số 187/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đà Nẵng và đình chỉ giải quyết về việc ông Bùi Ngọc Đ buộc ông Bùi Văn L phải tháo dỡ hàng rào, di dời cây trồng trên đất tranh chấp và yêu cầu hủy một phần Giấy CNQSDĐ số: M 819291 do UBND huyện Núi Thành (cũ) cấp cho hộ gia đình ông Bùi Ngọc Đ ngày 31 tháng 12 năm 2001 đối với thửa đất số: 347, tờ bản đồ số 5 thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.127m².

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Bùi Ngọc Đ, ông Bùi Văn L và ông Bùi Dương Qu về việc giải quyết diện tích đất tranh chấp là 174,3m² như sau:

- Giao cho ông Bùi Ngọc Đ được sử dụng phần đất có diện tích 91,3m² (trong phần đất có diện tích 174,30m²) tại thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng có tứ cận như sau:

- + Phía Đông và Bắc giáp đường bê tông;
- + Phía Nam giáp đất trống;
- + Phía Tây giáp đất của ông Bùi Văn L.

- Giao cho ông Bùi Văn L được sử dụng phần đất có diện tích 83m² (trong phần đất có diện tích 174,30m²) tại thôn T, xã N, thành phố Đà Nẵng có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường bê tông;
- Phía Đông giáp đất của ông Bùi Ngọc Đ;
- Phía Tây và Nam giáp đất trống.

(Có sơ đồ kèm theo)

Ông Bùi Ngọc Đ và ông Bùi Văn L được liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mình.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Bùi Ngọc Đ.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản sản tại Tòa án cấp sơ thẩm là 3.362.000 đồng ông Bùi Ngọc Đ phải chịu. *(Đã nộp và chi xong)*.

Chi phí tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm là 2.000.000 đồng ông Bùi Ngọc Đ và ông Bùi Văn L, mỗi người phải chịu 1.000.000 đồng. *(Đã nộp và chi xong)*.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Khu vực 5 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 5;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Việt Dũng